

Số: 14/2013/QCLN/BTP-
BCA-TANDTC-
VKSNDTC

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

QUY CHẾ

PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH TRONG CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 02 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 02 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 03 năm 2013 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Để tăng cường sự phối hợp công tác giữa Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong công tác thi hành án dân sự và những việc liên quan đến công tác thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao thống nhất ban hành "Quy chế phối hợp liên ngành trong công tác thi hành án dân sự" như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung phối hợp liên ngành giữa Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong công tác thi hành án dân sự.

Điều 2. Mục đích của việc phối hợp

1. Tăng cường trách nhiệm, năng lực tổ chức thực hiện và sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan.
2. Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất từ Trung ương đến địa phương nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác thi hành án dân sự.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của pháp luật.
2. Chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời.

3. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan có liên quan.

Điều 4. Phương thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức họp liên ngành.
3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết.
4. Thành lập các đoàn công tác liên ngành.
5. Các hình thức khác.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 5. Phối hợp trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự

1. Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm thực hiện tốt quy trình phối hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự tại Điều 5 Quy chế phối hợp công tác giữa Chính phủ với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao được ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 15/NQLT/CP-TANDTC-VKSNDTC ngày 31 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
2. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước khi tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập hoặc Tổ soạn thảo, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự gửi giấy mời, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các tài liệu liên quan khác đến cơ quan phối hợp để nghiên cứu, tham gia góp ý.
3. Trường hợp lấy ý kiến đóng góp bằng văn bản, chậm nhất là 10 ngày trước khi đến hạn trả lời, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi công văn đề nghị góp ý, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các tài liệu liên quan khác đến cơ quan phối hợp để nghiên cứu, trả lời.
4. Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc nghiên cứu, chuẩn bị văn bản tham gia ý kiến trả lời đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự hoặc tham gia họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập, Tổ soạn thảo với cơ quan phối hợp đầy đủ, đảm bảo tiến độ, hiệu quả công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch.
5. Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu tiếp thu ý kiến đóng góp của cơ quan phối hợp để hoàn chỉnh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Đối với những nội dung góp ý có căn cứ pháp lý, cơ quan chủ trì soạn thảo cần tiếp thu; đối với những vấn đề chưa nhất trí với cơ quan phối hợp cần trao đổi, thảo luận để đi đến thống nhất chung, nếu không thống nhất được thì cần giải trình rõ trong Tờ trình về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để Lãnh đạo các ngành thống nhất.

6. Các cơ quan phối hợp phát hiện những điểm chưa phù hợp trong các văn bản quy phạm pháp luật về công tác thi hành án dân sự có trách nhiệm phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền để hủy bỏ, sửa đổi hoặc bổ sung.

Điều 6. Phối hợp trong việc hướng dẫn quyền yêu cầu thi hành án dân sự, cấp và chuyển giao bản án, quyết định

1. Tòa án nhân dân tối cao thực hiện và chỉ đạo Tòa án nhân dân địa phương thực hiện việc hướng dẫn quyền yêu cầu thi hành án dân sự, cấp và chuyển giao bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 27, 28 Luật Thi hành án dân sự kịp thời, đầy đủ.

2. Đối với các bản án, quyết định về vụ án hình sự có phần tiền, tài sản phải thi hành án, Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo Tòa án nhân dân địa phương, trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi có quyết định thi hành án hình sự đối với bị cáo thì thông báo bằng văn bản đến cơ quan thi hành án dân sự biết để việc tổ chức thi hành án dân sự được nhanh chóng và thuận lợi.

Điều 7. Phối hợp trong giải thích, sửa chữa, bổ sung bản án, quyết định; trả lời kiến nghị; thụ lý và giải quyết yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự

1. Trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình, Tòa án nhân dân tối cao trực tiếp thực hiện hoặc chỉ đạo Tòa án nhân dân địa phương đã ra bản án, quyết định thực hiện kịp thời việc sửa chữa, bổ sung, giải thích bản án, quyết định; trả lời kiến nghị, giải quyết kịp thời các yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự và đương sự theo quy định tại Điều 240, Điều 382 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 179 Luật Thi hành án dân sự. Căn cứ văn bản trả lời của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án hoặc quyết định thu hồi, sửa đổi, bổ sung quyết định thi hành án đã ban hành trước đó theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Trong trường hợp cơ quan thi hành án dân sự nhận thấy việc giải thích bản án của Tòa án chưa phù hợp với nội dung vụ việc, chưa đúng với bản án thì phải báo cáo ngay Bộ Tư pháp (Tổng cục Thi hành án dân sự). Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được báo cáo của cơ quan thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp có trách nhiệm tổ chức cuộc họp liên ngành hoặc có văn bản trao đổi với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao để nghiên cứu, thảo luận và thống nhất hướng chỉ đạo giải quyết.

2. Trường hợp có căn cứ kháng nghị đối với bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm thì Bộ Tư pháp chỉ đạo Tổng cục Thi hành án dân sự chủ trì phối hợp với các đơn vị chuyên môn thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao họp bàn về căn cứ kháng nghị và có văn bản kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét và có văn bản trả lời kiến nghị kháng nghị của Tổng cục Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp. Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự biết thông tin về việc Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân đã thụ lý đơn yêu cầu xem xét giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án đã được thi hành xong thì thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền kháng nghị biết.

3. Trường hợp nhận được văn bản phản ánh về vướng mắc trong việc thụ lý xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản, phân chia tài sản hoặc giải quyết tranh chấp quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản phát sinh trong quá trình thi hành án thì Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn Toà án nhân dân các cấp giải quyết.

Điều 8. Phối hợp trong quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về thi hành án dân sự

1. Việc phối hợp trong quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về thi hành án dân sự được thực hiện theo Quy chế hoặc Quy trình hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ của các cơ quan phối hợp (nếu có).

2. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức họp liên ngành về quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chung về nghiệp vụ thi hành án dân sự hoặc hướng dẫn, chỉ đạo đối với từng vụ việc thi hành án dân sự cụ thể nếu thấy cần thiết.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước khi tổ chức họp liên ngành, cơ quan chủ trì phải gửi giấy mời, các tài liệu liên quan đến cơ quan phối hợp để nghiên cứu, lên kế hoạch tham gia.

Đối với trường hợp trao đổi ý kiến bằng văn bản, cơ quan chủ trì phải nêu rõ thời gian đề nghị cơ quan phối hợp trả lời và phải gửi công văn trao đổi ý kiến, kèm theo các tài liệu liên quan đến cơ quan phối hợp chậm nhất là 10 ngày trước khi đến hạn trả lời.

Đối với những trường hợp đột xuất hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo các ngành, cơ quan chủ trì phải gửi công văn trao đổi ý kiến và các tài liệu liên quan khác đến cơ quan phối hợp để nghiên cứu, trả lời ngay trong ngày làm việc.

4. Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc nghiên cứu, xem xét, trả lời bằng văn bản đối với công văn trao đổi ý kiến hoặc tham gia họp liên ngành đầy đủ, đúng thời hạn theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

5. Trường hợp các đơn vị chuyên môn thuộc cơ quan phối hợp không thống nhất được hướng giải quyết khó khăn, vướng mắc về thi hành án dân sự thì phải báo cáo ngay Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao để thống nhất ý kiến.

Điều 9. Phối hợp trong giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự

1. Đơn khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự được gửi đến cơ quan nào, cơ quan đó có trách nhiệm giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; văn bản giải quyết, trả lời được đồng gửi cho cơ quan phối hợp đã chuyển đơn được biết. Trường hợp cần tham khảo ý kiến của cơ quan phối hợp trước khi trả lời người khiếu nại, tố cáo thì cơ quan chủ trì trả lời có văn bản trao đổi hoặc gửi dự thảo văn bản trả lời để được góp ý trực tiếp.

2. Đối với những vụ việc có tính chất phức tạp, cơ quan có thẩm quyền giải quyết tổ chức cuộc họp liên ngành hoặc thành lập đoàn công tác liên ngành tiến hành xác minh, làm rõ những nội dung khiếu nại, tố cáo và thống nhất biện pháp giải quyết với cơ quan phối hợp có liên quan.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước khi tổ chức họp hoặc trước khi thành lập đoàn công tác liên ngành, cơ quan chủ trì phải gửi giấy mời, các tài liệu liên quan khác đến cơ quan phối hợp để nghiên cứu, lên kế hoạch tham gia.

Đối với trường hợp trao đổi ý kiến bằng văn bản, cơ quan chủ trì phải nêu rõ thời gian đề nghị cơ quan phối hợp trả lời và phải gửi công văn trao đổi ý kiến, kèm theo các tài liệu liên quan đến cơ quan phối hợp chậm nhất là 10 ngày trước khi đến hạn trả lời.

Đối với những trường hợp đột xuất hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo các ngành, cơ quan chủ trì phải gửi công văn trao đổi ý kiến và các tài liệu liên quan khác đến cơ quan phối hợp để nghiên cứu, trả lời ngay trong ngày làm việc.

Điều 10. Phối hợp trong kiểm tra về thi hành án dân sự

1. Mỗi năm ít nhất một lần, Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Bộ Công an, Tòa dân sự Toà án nhân dân tối cao, Vụ kiểm sát thi hành án dân sự Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các đơn vị liên quan khác (nếu thấy cần thiết) tiến hành kiểm tra công tác thi hành án dân sự và công tác phối hợp trong thi hành án dân sự ở địa phương.

2. Tổng cục Thi hành án dân sự chủ trì phối hợp với các đơn vị chức năng của các bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra liên ngành về thi hành án dân sự trình Lãnh đạo Bộ Tư pháp phê duyệt. Kế hoạch kiểm tra phải xác định rõ nội dung kiểm tra, thời gian, tiến độ thực hiện, phân công trách nhiệm của từng thành viên.

Điều 11. Phối hợp trong công tác thu tiền, tài sản; đặc xá, xuất nhập cảnh

1. Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo cơ quan điều tra trong quá trình điều tra các vụ án hình sự có yếu tố bồi thường tùy theo tính chất của từng vụ án cần chủ động áp dụng biện pháp kê biên tài sản theo Điều 146 Bộ luật Tố tụng hình sự nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xét xử và thi hành án dân sự.

Bộ Công an chỉ đạo Trại giam, Trại tạm giam, Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự thực hiện tốt việc thu, nộp, quản lý tiền, giấy tờ của người phải thi hành án và trả tiền, giấy tờ cho người được thi hành án dân sự là phạm nhân theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BTP-BCA-BTC ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính; lập danh sách theo dõi và thực hiện việc tuyên truyền, vận động người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam, Trại tạm giam hoặc thân nhân của họ tự nguyện thi hành nghĩa vụ thi hành án dân sự.

Đối với các phạm nhân chưa thực hiện xong hình phạt bổ sung hoặc trách nhiệm dân sự là tiền, tài sản mà có quyết định đưa đến Trại giam, Trại tạm giam, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện; phạm nhân có quyết định chuyển trại; phạm nhân đã chết hoặc đã chấp hành xong hình phạt tù thì Trại giam, Trại tạm giam, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có văn bản thông báo đến cơ quan thi hành án dân sự nơi xét xử sơ thẩm biết.

2. Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Tòa án nhân dân các cấp tạo điều kiện cho bị cáo hoặc gia đình bị cáo đến cơ quan thi hành án dân sự tự nguyện nộp tiền, tài sản sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra hoặc để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật đối với phần trách nhiệm dân sự trong bản án hình sự; kịp thời áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật để bảo đảm việc thi hành án.

Cơ quan thi hành án dân sự, Trại giam, Trại tạm giam, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp biên lai thu tiền, biên bản nhận tài sản cho đương sự và thông báo về việc thu tiền, nhận tài sản cho Tòa án nơi xét xử vụ án biết.

3. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thuộc ngành phối hợp thi hành các bản án, quyết định của Tòa án; các quyết định của cơ quan thi hành án dân sự để thực hiện tốt công tác xếp loại thi đua chấp hành án; giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, đặc xá, xuất nhập cảnh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp đương sự được đặc xá, đã chấp hành xong hình phạt tù theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa thi hành xong nghĩa vụ thi hành án dân sự thì Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp các ngành liên quan xem xét quyết định việc xuất cảnh theo quy định của pháp luật về xuất, nhập cảnh.

Điều 12. Phối hợp trong công tác cưỡng chế thi hành án dân sự

Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới, Bộ Tư pháp chỉ đạo Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp tham gia phối hợp cưỡng chế thi hành dân sự khi có đề nghị của cơ quan thi hành án dân sự. Bộ Công an chỉ đạo Công an cấp dưới thực hiện tốt việc phối hợp bảo vệ cưỡng chế trong thi hành án dân sự quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2011/TTLT-BTP-BCA ngày 30 tháng 03 năm 2012 của Bộ Tư pháp và Bộ Công an.

Điều 13. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự để đương sự, công dân, cơ quan, tổ chức thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, đảm bảo cho công tác thi hành án dân sự đạt hiệu quả cao, hạn chế khiếu kiện.

Điều 14. Phối hợp trong cung cấp, trao đổi thông tin phục vụ công tác thi hành án dân sự

1. Khi tổ chức hội nghị, các buổi làm việc, họp liên ngành về vấn đề có liên quan đến công tác thi hành án dân sự, cơ quan chủ trì trao đổi, cung cấp thông tin để cơ quan phối hợp biết, tham dự khi cần thiết.

2. Trường hợp cần thông tin, tài liệu phục vụ công tác thi hành án dân sự, các cơ quan phối hợp trao đổi, cung cấp theo yêu cầu của cơ quan đề nghị. Nếu từ chối cung cấp

thông tin, cơ quan được yêu cầu phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Điều 15. Phối hợp trong thống kê, đánh giá, chỉ đạo giải quyết việc thi hành các bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành

1. Định kỳ hàng quý, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân các cấp chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân và các cơ quan thi hành án dân sự ở địa phương thực hiện việc rà soát, đánh giá, xác định các bản án tuyên không rõ, khó thi hành do cơ quan thi hành án dân sự cung cấp. Trường hợp thống nhất được hướng giải quyết việc thi hành bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành thì Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và cơ quan thi hành án dân sự địa phương phối hợp giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Quy chế này. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết việc thi hành bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành thì cơ quan thi hành án dân sự báo cáo về Bộ Tư pháp và Viện kiểm sát nhân dân tối cao để xử lý theo quy định tại khoản 2, 3 và khoản 4 của Điều này.

2. Định kỳ hàng quý, Bộ Tư pháp thống kê, tập hợp các bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành từ các cơ quan thi hành án dân sự địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác phản ánh để phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao đánh giá, bàn biện pháp giải quyết.

3. Định kỳ vào tháng 9 hàng năm, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao tổ chức họp liên ngành xem xét, đánh giá, xác định các trường hợp bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành.

4. Căn cứ kết quả cuộc họp liên ngành quy định tại khoản 3 của Điều này, Bộ Tư pháp chỉ đạo Tổng cục Thi hành án dân sự hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc thi hành án. Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo Tòa án đã ra bản án, quyết định giải thích bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành và phối hợp chặt chẽ với cơ quan thi hành án dân sự trong việc thi hành bản án, quyết định đó. Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân địa phương thực hiện kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định đã được giải thích.

Điều 16. Phối hợp trong việc kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự

1. Khi ban hành kế hoạch kiểm sát đối với hoạt động thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao gửi kế hoạch cho Bộ Tư pháp để biết và chỉ đạo Tổng cục Thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự thực hiện.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao gửi kết luận kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự, kiến nghị hoặc kháng nghị đối với Chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự cho Bộ Tư pháp (Tổng cục Thi hành án dân sự) để biết và chỉ đạo thực hiện.

Trên cơ sở phối hợp với Vụ kiểm sát thi hành án dân sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng cục Thi hành án dân sự giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ đạo việc thực hiện kết luận kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự; văn bản yêu cầu, kiến nghị

hoặc kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với Chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự.

3. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ Kiểm sát thi hành án dân sự) tham dự và báo cáo bằng văn bản về công tác kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự tại hội nghị sơ kết, tổng kết thi hành án dân sự do Bộ Tư pháp tổ chức hàng năm.

Điều 17. Phối hợp trong việc xây dựng báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội về công tác thi hành án dân sự

1. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành có liên quan thành lập Tổ công tác xây dựng báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội về công tác thi hành án dân sự.

Tổ công tác được thành lập trước ngày 01 tháng 8 hàng năm, gồm có đại diện lãnh đạo Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, bộ, ngành khác có liên quan và một số đơn vị chuyên môn thuộc Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, bộ, ngành khác có liên quan.

2. Trách nhiệm chuẩn bị các nội dung báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội về công tác thi hành án dân sự, như sau:

a) Bộ Tư pháp có trách nhiệm chủ trì trong việc tổng hợp, xây dựng dự thảo nội dung báo cáo chung về công tác thi hành án dân sự; thống kê, đánh giá kết quả thi hành án về tổng số việc, số tiền phải thi hành án, số việc có điều kiện, không có điều kiện thi hành, số việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước, tổ chức cán bộ thi hành án và những nội dung khác, trừ những nội dung quy định tại điểm b, c và d khoản này.

b) Bộ Công an chuẩn bị những nội dung về công tác bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự.

c) Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuẩn bị nội dung về tình hình thực hiện kiểm sát, nhất là đối với những kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát trong thi hành án dân sự; việc kiểm sát đối với những bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành và các vấn đề khác thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình.

d) Tòa án nhân dân tối cao chuẩn bị nội dung báo cáo liên quan đến các bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành và các giải pháp tháo gỡ, giải quyết án tuyên không rõ, khó thi hành; quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm đối với những bản án, quyết định bị kháng nghị và các vấn đề khác thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình trong công tác thi hành án.

3. Trên cơ sở những nội dung chuẩn bị báo cáo của Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và báo cáo của Bộ Quốc phòng về công tác thi hành án dân sự trong quân đội, Tổ công tác giúp Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng dự thảo báo cáo của Chính phủ về công tác thi hành án dân sự.

Chậm nhất 10 ngày, trước khi trình Chính phủ ký ban hành, Bộ Tư pháp phải gửi dự thảo báo cáo để lấy ý kiến của Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan. Chậm nhất là 05 ngày

làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo do Bộ Tư pháp gửi, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải gửi văn bản góp ý về Bộ Tư pháp để tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo báo cáo.

4. Nội dung báo cáo của Chính phủ về công tác thi hành án dân sự phải đáp ứng các yêu cầu của Quốc hội, phản ánh toàn diện, đầy đủ về tình hình công tác thi hành án dân sự trong năm. Báo cáo phải nêu rõ tổng số vụ việc thụ lý; số vụ việc có điều kiện, không có điều kiện thi hành (về việc, về giá trị); số việc có kháng cáo, kháng nghị; số bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành; số việc bảo vệ cưỡng chế; số việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước.

5. Số liệu thống kê trong công tác thi hành án dân sự để xây dựng Báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội về công tác thi hành án lấy mốc thời gian như sau:

a) Báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm:

- Từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến hết ngày 31 tháng 03 của năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng.

- Từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến hết ngày 30 tháng 9 của năm báo cáo đối với báo cáo năm.

b) Báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề:

Thời gian lấy số liệu được xác định theo yêu cầu của Quốc hội hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

6. Trường hợp quá thời hạn báo cáo mà các cơ quan phối hợp chưa có báo cáo thì cơ quan chủ trì gửi thông báo bằng văn bản đến Thủ trưởng các cơ quan phối hợp để chỉ đạo các đơn vị chuyên môn chuẩn bị và tham gia phối hợp ngay.

7. Bộ Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong xây dựng nội dung báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội về công tác thi hành án dân sự.

Điều 18. Phối hợp trong việc thi hành các vụ án lớn, phức tạp, khó thi hành

1. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong việc tổ chức họp liên ngành bàn biện pháp chỉ đạo việc thi hành các vụ án lớn, phức tạp, khó thi hành. Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm cử người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp tham gia cuộc họp. Việc thành lập Ban Chỉ đạo thi hành án để chỉ đạo thi hành các vụ việc thi hành án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng về chính trị, an ninh, trật tự, an toàn xã hội thực hiện theo quy định của pháp luật.

Cơ quan chủ trì và các cơ quan phối hợp có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan cấp dưới trực thuộc thực hiện ý kiến đã được thống nhất tại các cuộc họp liên ngành trên.

2. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo các cơ quan cấp dưới thực hiện phối hợp kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự để tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 173; khoản 1, khoản 2 Điều 174 Luật Thi hành án dân sự và Điều 13 Nghị định số 74/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 09 năm 2009 của Chính phủ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Chủ trì, làm đầu mối trong việc tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Chủ động xây dựng dự thảo chương trình, kế hoạch phối hợp trong công tác thi hành án dân sự.
3. Phối hợp với cơ quan liên quan hoàn thiện và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phối hợp trong công tác thi hành án dân sự.
4. Đôn đốc, theo dõi, đánh giá về công tác phối hợp.
5. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp.
6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức họp liên ngành vào tháng 10 hàng năm để tổng kết nhằm đánh giá kết quả việc thực hiện Quy chế, kinh nghiệm, những vướng mắc, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự và trong công tác năm sau.

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Căn cứ vào đề nghị của cơ quan chủ trì, trong phạm vi, chức năng nhiệm vụ của mình, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm:

1. Tham gia, chỉ đạo trong ngành thực hiện theo tiến độ, bảo đảm chất lượng các nội dung phối hợp.
2. Cử người tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có) và tạo điều kiện cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Đôn đốc, theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện công tác phối hợp trong lĩnh vực quản lý của mình gửi cơ quan chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo chung theo Quy chế này.

Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

1. Các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm phối hợp giúp lãnh đạo Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện Quy chế này.
2. Giao Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp, Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Công an, Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao, Vụ kiểm sát thi hành án dân sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao làm đầu mối thường trực giúp lãnh đạo Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Quy chế này.
3. Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan đầu mối thuộc Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

báo cáo định kỳ 6 tháng một lần với Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao về kết quả phối hợp liên ngành để tổng hợp, tiến hành sơ kết hàng năm và tổng kết theo định kỳ 05 năm thực hiện Quy chế này.

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các địa phương

1. Cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan công an, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân các địa phương có trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên, phối hợp trong việc giải quyết việc thi hành án dân sự ở địa phương mình theo chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên và kết quả các cuộc họp liên ngành đã được thống nhất.

2. Hàng tháng, cơ quan thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, phân loại, thống kê lập danh sách các bản án, quyết định của Tòa án được đưa ra thi hành, những bản án, quyết định đã được thi hành và những bản án, quyết định chưa được thi hành; phân tích rõ lý do đối với bản án, quyết định chưa được thi hành và tùy từng trường hợp mà xử lý như sau:

a) Đối với bản án, quyết định của Tòa án tuyên không rõ nhưng có thể giải thích hoặc sửa chữa, bổ sung được theo quy định của pháp luật để thi hành thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự hoặc của cơ quan thi hành án dân sự, Tòa án phải khẩn trương có văn bản giải thích hoặc sửa chữa, bổ sung bản án, quyết định gửi cho đương sự, cơ quan yêu cầu và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

b) Đối với những bản án, quyết định của Tòa án tuyên không rõ, không thể khắc phục được theo quy định của pháp luật và những bản án, quyết định của Tòa án tuyên đã rõ nhưng không phù hợp với thực tế, không thể thi hành được thì phải thông báo ngay cho Chánh án Tòa án, Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm.

Trường hợp sau khi đã thống kê, rà soát mà Tòa án nhân dân và cơ quan thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp không thống nhất được với nhau về số lượng và hướng giải quyết việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án thì Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp tổ chức ngay cuộc họp để cùng nhau rà soát, phân loại và thống nhất phương án xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Định kỳ sáu tháng, cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện, cấp tỉnh chủ trì cuộc họp với Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp để sơ kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện Quy chế này, báo cáo cơ quan quản lý thi hành án dân sự và cơ quan thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp trên về tình hình thực hiện Quy chế và số liệu thống kê kết quả thi hành các bản án, quyết định của Tòa án ở địa phương mình.

3. Trên cơ sở Quy chế này, cơ quan thi hành án dân sự các địa phương chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân vận dụng để xây dựng quy chế phối hợp trong công tác thi hành án dân sự ở địa phương.

Điều 23. Trách nhiệm của Trưởng Đoàn công tác liên ngành

Trưởng Đoàn công tác liên ngành có trách nhiệm thực hiện kế hoạch công tác đã được ban hành; báo cáo kết quả công tác cho cơ quan chủ trì và thông báo kết quả đến các cơ quan phối hợp, địa phương, đơn vị được kiểm tra để thực hiện những kiến nghị của Đoàn công tác liên ngành trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc chuyến công tác.

Điều 24. Trách nhiệm của công chức được cử tham gia phối hợp

1. Thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo kế hoạch công tác phối hợp của cơ quan chủ trì và báo cáo lãnh đạo cơ quan mình về kết quả phối hợp theo quy định.
2. Tham gia góp ý, chủ động đề xuất các biện pháp phối hợp trong thi hành án dân sự.
3. Tiếp cận thông tin, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ và phải chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cơ quan khi không hoàn thành nhiệm vụ phối hợp liên ngành.
4. Trường hợp công chức được phân công tham gia Đoàn công tác liên ngành không thể tham gia thì có trách nhiệm phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan cử người thay thế kịp thời.

Điều 25. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí đảm bảo cho công tác phối hợp được thực hiện theo quy định hiện hành.
2. Trong trường hợp pháp luật không quy định cụ thể thì việc lập dự toán kinh phí đảm bảo cho công tác phối hợp thực hiện trên nguyên tắc cơ quan nào chủ trì xử lý vụ việc thì cơ quan đó bảo đảm kinh phí phục vụ công tác phối hợp.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.
2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp để tổng hợp, phối hợp với Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao giải quyết./.

**CHÁNH ÁN VIỆN TRƯỞNG BỘ TRƯỞNG BỘ TRƯỞNG
TOÀ ÁN NHÂN VIỆN KIỂM SÁT BỘ CÔNG AN BỘ TƯ PHÁP
DÂN TỐI CAO NHÂN DÂN TỐI
CAO**

Hà Hùng Cường

**Trương
Bình**

Hòa

Nguyễn Hòa Bình

**Đại tướng Trần
Đại Quang**

Nơi

nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;
- Cục Thi hành án dân sự Bộ Quốc phòng;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Toà án nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, VKSND tối cao, TAND tối cao;
- Lưu: VT Bộ Tư pháp, Bộ Công an, VKSND tối cao, TAND tối cao.